

Vấn đề phụ nữ vùng đồng bằng sông Cửu Long kết hôn với người nước ngoài vì lý do kinh tế - định hướng giải pháp

Nguyễn Tiên Thu¹, Hà Thị Thùy Dương²

Nhận ngày 4 tháng 5 năm 2021. Chấp nhận đăng ngày 3 tháng 8 năm 2021.

Tóm tắt: Đồng bằng sông Cửu Long là vùng có số lượng phụ nữ kết hôn với người nước ngoài nhiều nhất trong cả nước. Điều này xuất phát từ những đặc điểm kinh tế, văn hóa, xã hội đặc trưng của vùng. Thu nhập của người dân ở đây còn thấp hơn so với mức chung của cả nước; với sự mở cửa nền kinh tế của Việt Nam, sự hợp tác phát triển với nhiều quốc gia khiến phụ nữ có cơ hội và động lực thúc đẩy lấy chồng nước ngoài để thoát nghèo, thay đổi cuộc sống. Về mặt xã hội, trình độ dân trí thấp, công việc bấp bênh và tỷ lệ phụ nữ còn cao... là những nhân tố thúc đẩy phụ nữ ở đây lấy chồng nước ngoài. Bài viết trình bày thực trạng và đưa ra những định hướng, từ đó hạn chế việc phụ nữ vùng đồng bằng sông Cửu Long lấy chồng nước ngoài vì lý do kinh tế mà bất chấp nhiều rủi ro hiện hữu.

Từ khóa: Đồng bằng sông Cửu Long, kết hôn với người nước ngoài, phụ nữ Việt Nam.

Phân loại ngành: Xã hội học

Abstract: The Mekong Delta is an area that has the most number of women marrying foreigners in the country. This comes from the specific economic, cultural and social characteristics of the region. The income of the people here is lower than the national average; With the opening of Vietnam's economy, the development cooperation with many countries gives women the opportunity and motivation to marry foreign husbands to escape poverty and change their lives. In terms of society, low education level, precarious work and high proportion of women, etc. are the motivating factors for women here to marry foreigners. The article presents the current situation and gives orientations, thereby preventing women in the Mekong Delta from marrying foreign husbands merely for economic reasons in spite of many existing risks.

Keywords: Mekong Delta, marrying foreigners, Vietnamese women.

Subject classification: Sociology

¹ Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh.

² Học viện Chính trị khu vực IV.

Email: tienthuhn@hcma.vn

1. Mở đầu

Vấn đề phụ nữ kết hôn với người nước ngoài là một hiện tượng xã hội được quan tâm ở Việt Nam, trong bối cảnh hội nhập quốc tế ngày càng toàn diện, sâu rộng số lượng người kết hôn ngày càng tăng. Việc phụ nữ vùng đồng bằng sông Cửu Long kết hôn với người nước ngoài tác động nhiều mặt về kinh tế, chính trị, văn hóa, xã hội của địa phương cũng như đối với đất nước. Đồng bằng sông Cửu Long là vùng có số lượng phụ nữ kết hôn với người nước ngoài nhiều nhất. Trong 10 năm (2008 - 2018), khu vực đồng bằng sông Cửu Long có khoảng 70.000 phụ nữ lấy chồng nước ngoài. Như vậy, trung bình mỗi năm ở đồng bằng sông Cửu Long có khoảng 7.000 phụ nữ kết hôn với người nước ngoài, trong khi trung bình mỗi năm Việt Nam có khoảng 18.000 công dân kết hôn với người nước ngoài, trong đó 72% là nữ (Phương Anh, 2020). Ở nước ta, mỗi năm có 12.960 phụ nữ kết hôn với người nước ngoài, đồng bằng sông Cửu Long chiếm 54% số phụ nữ Việt Nam kết hôn với người nước ngoài. Lý giải cho hiện tượng này xuất phát từ lý do quan trọng là những đặc điểm kinh tế, văn hóa, xã hội đặc trưng của vùng đồng bằng sông Cửu Long.

Việc kết hôn với người nước ngoài là xu thế khách quan trong bối cảnh toàn cầu hóa, nhưng nhiều phụ nữ vùng đồng bằng sông Cửu Long kết hôn không phải vì tình yêu như mục đích chân chính của hôn nhân, mà chủ yếu vì lý do kinh tế. Bởi vậy, vấn đề này cũng cần được quan tâm thích đáng. Phụ nữ vùng đồng bằng sông Cửu Long kết hôn với người nước ngoài cũng do tác động tổng hợp từ nhiều nhân tố khách quan ở bên ngoài, sự phát triển của đất nước cũng như từ những mong muốn, tư tưởng, tình cảm của từng cá nhân. Việc tìm hiểu các nhân tố tác động sẽ giúp chúng ta có những giải pháp nhằm ngăn chặn những biểu hiện tiêu cực trong những cuộc hôn nhân này.

2. Những yếu tố tác động đến việc phụ nữ vùng đồng bằng sông Cửu Long kết hôn với người nước ngoài

Đồng bằng sông Cửu Long là vùng cực Nam của tổ quốc, có diện tích hơn 40.548 km², chiếm 12,2% diện tích của cả nước; có vị trí nằm liền kề vùng Đông Nam Bộ, phía Bắc giáp Campuchia, phía Tây Nam giáp vịnh Thái Lan, phía Đông Nam giáp Biển Đông; có đường biên giới với Campuchia khoảng 330 km, đường bờ biển dài trên 700 km và có vùng đặc quyền kinh tế rộng khoảng 360.000 km². Đây là vùng tiếp giáp với vùng kinh tế trọng điểm phía Nam, vùng phát triển năng động nhất Việt Nam, đồng thời là vùng nằm trong khu vực có đường giao thông hàng hải và hàng không quốc tế quan trọng giữa Nam Á và Đông Á cũng như châu Úc và các quần đảo khác trong Thái Bình Dương.

2.1. Yếu tố kinh tế

Đồng bằng sông Cửu Long là vùng có dân số đông, mật độ dân số tương đối cao, dân số của đồng bằng sông Cửu Long năm 2019 là 17.273.630 người, trong khi dân số của cả nước là 96.208.984 người (Ban Chỉ đạo Tổng điều tra dân số và nhà ở Trung ương, 2019, tr.17),

chiếm gần 18% dân số của cả nước. Tuy nhiên, đời sống, thu nhập của người dân ở đồng bằng sông Cửu Long còn thấp so với mặt bằng chung. Thu nhập bình quân cả nước năm 2018 là 3.873.800 đồng/người/tháng, trong khi thu nhập của người dân đồng bằng sông Cửu Long là 3.583.200 đồng/người/tháng (Tổng cục Thống kê, 2019, tr.349). Ngoài ra, đồng bằng sông Cửu Long hiện nay đang phải đối mặt với sự suy kiệt về nguồn nước và tác động của biến đổi khí hậu, làm xuất hiện nhiều hiện tượng thời tiết cực đoan như nhiệt độ tăng cao, hạn hán khốc liệt, xâm nhập mặn, triều cường và sạt lở bờ sông, bờ biển diễn ra thường xuyên. Điều này ảnh hưởng rất lớn đến sản xuất nông nghiệp, hoạt động sinh kế chủ yếu của nhiều người dân trong vùng, người dân đồng bằng sông Cửu Long vốn đã khó khăn lại càng khó khăn hơn trước những thách thức mà họ đang phải đối mặt. Đời sống của người dân trong vùng thấp hơn so với mặt bằng chung của cả nước, vì đây là vùng trũng về giáo dục, trình độ dân trí còn thấp và tỷ lệ thất nghiệp, thiếu việc làm của lao động còn cao, đặc biệt là ở nữ giới trong độ tuổi kết hôn (từ 15 đến 24 tuổi). Tỷ lệ thất nghiệp trong lực lượng lao động của cả nước năm 2019 là 2,17%, trong khi đồng bằng sông Cửu Long là 2,9%, cao nhất trong các vùng (Tổng cục Thống kê, 2020, tr.172). Tỷ lệ thiếu việc làm trong lực lượng lao động của cả nước năm 2019 là 1,27%, trong khi đồng bằng sông Cửu Long là 2,35% và cao nhất trong các vùng (Tổng cục Thống kê, 2020, tr.173). Đặc biệt, tình trạng thất nghiệp của nữ giới trong độ tuổi còn trẻ, trong độ tuổi kết hôn còn cao so với cả nước và các vùng khác, tỷ lệ thất nghiệp của nữ vùng đồng bằng sông Cửu Long là 4,03% và thiếu việc làm của nữ vùng đồng bằng sông Cửu Long là 2,6% (Tổng cục Thống kê, 2020, tr.174); những thanh niên trong độ tuổi từ 15 đến 24 tuổi thì tỷ lệ thất nghiệp của vùng là 8,19%, trong khi đó cả nước là 6,61%; tỷ lệ thiếu việc làm trong độ tuổi từ 15 đến 24 tuổi của cả nước là 2,19%, trong khi ở đồng bằng sông Cửu Long là 2,76% (Tổng cục Thống kê, 2020, tr.175). Đời sống khó khăn của người dân đồng bằng sông Cửu Long còn thể hiện qua việc: tỷ lệ hộ không có nhà ở năm 2019 của cả nước là 1,8%, trong khi đồng bằng sông Cửu Long là 4,2%, cao nhất cả nước (Ban Chỉ đạo Tổng điều tra dân số và nhà ở Trung ương, 2019, tr.59). Chính vì đời sống kinh tế khó khăn, tỷ lệ thất nghiệp, thiếu việc làm ở nữ thanh niên đồng bằng sông Cửu Long còn cao nên để thực hiện ước mơ thoát nghèo, có được việc làm ổn định, thu nhập cao thì nhiều phụ nữ ở đây lựa chọn kết hôn với người nước ngoài như một lối thoát, một biện pháp hữu hiệu. Bởi lẽ, với trình độ thấp, nếu có đến các khu công nghiệp, khu chế xuất thì phải xa nhà, phải thuê mướn nhà, cuộc sống tạm bợ và thu nhập cũng không cao. Với tương lai không có nhiều sự lựa chọn và không mấy sáng sủa, sự lựa chọn kết hôn với người nước ngoài dù vẫn còn nhiều bất trắc, may rủi nhưng vẫn là sự lựa chọn tốt đối với những phụ nữ này.

Hiện nay, kinh tế của các tỉnh đồng bằng sông Cửu Long đã có thay đổi theo hướng tích cực. Với việc chính quyền nỗ lực nâng cao năng lực cạnh tranh cấp tỉnh và có những chính sách thu hút đầu tư hấp dẫn, cởi mở, ngày càng nhiều doanh nghiệp nước ngoài đầu tư phát triển trong vùng. Đến đầu tháng 10/2018, có 1.495 dự án đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) đang hoạt động còn hiệu lực ở các tỉnh thành vùng đồng bằng sông Cửu Long, với số vốn là 20,95 tỷ USD, trong tổng số 26.646 dự án và tổng vốn đầu tư 334,05 tỷ USD của cả nước (Ngọc Thiện, 2018). Số dự án và vốn đầu tư nước ngoài tiếp tục tăng lên, tính đến hết tháng 9/2019, khu vực đồng bằng sông Cửu Long có 1.662 dự án đầu tư nước ngoài còn

hiệu lực, tổng vốn đăng ký hơn 22,63 tỉ USD (K.V, 2019). Mặc dù các doanh nghiệp FDI đầu tư vào vùng đồng bằng sông Cửu Long còn khiêm tốn so với các vùng khác và so với cả nước, chiếm 5,56% về số dự án và 6,32% vốn đăng ký dự án đầu tư nước ngoài cả nước (K.V, 2019), nhưng các doanh nghiệp FDI đầu tư trong vùng chủ yếu vào ngành chế biến nông sản, những ngành đòi hỏi trình độ lao động không cao và có nhiều lao động nữ. Vì vậy, những nữ lao động của vùng làm việc trong các doanh nghiệp FDI này có cơ hội gặp gỡ, làm quen với những người nước ngoài trong các doanh nghiệp đó, là cơ sở thuận lợi cho việc kết hôn có yếu tố nước ngoài. Chẳng hạn như ở Long An, các khu công nghiệp có nhà đầu tư nước ngoài như: Đức Hòa, Tân An, Cần Giuộc thì tỷ lệ kết hôn với người nước ngoài cao, mỗi năm có trên 30 hồ sơ xin đăng ký kết hôn. Đặc biệt, những doanh nghiệp FDI đầu tư vào vùng đồng bằng sông Cửu Long là thuộc các nước và vùng lãnh thổ như Đài Loan, Hàn Quốc. Đài Loan có nhiều dự án đầu tư nhất vào khu vực này với 205 dự án và 1,46 tỷ USD tổng vốn đầu tư (chiếm 20,8% tổng số dự án và 12% tổng vốn đầu tư của toàn vùng). Tiếp theo là Hàn Quốc với 166 dự án và 1,3 tỷ USD tổng vốn đầu tư, Nhật Bản và Trung Quốc cũng có một số dự án nhưng với quy mô đầu tư nhỏ (Xuân Bách, 2015). Đó là lí do giải thích tại sao phụ nữ ở vùng đồng bằng sông Cửu Long thường kết hôn với người Đài Loan, Hàn Quốc.

Hơn nữa, trong quá trình đẩy mạnh mở cửa, hội nhập kinh tế quốc tế, ngày càng có nhiều người dân ở vùng đồng bằng sông Cửu Long đi xuất khẩu lao động. Trong giai đoạn từ năm 2011 - 2014, toàn vùng có khoảng 8.000 người đi làm việc ở nước ngoài, bình quân mỗi năm có khoảng 2.000 người đi làm việc ở nước ngoài (Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, 2021). Tuy nhiên, những năm gần đây, con số này đã tăng vượt bậc. Thống kê từ năm 2016 đến tháng 10/2019, tổng số lao động đi làm việc ở nước ngoài của các tỉnh đồng bằng sông Cửu Long là 30.645 lao động, tập trung vào các thị trường chính là Nhật Bản (19.172 lao động) và Đài Loan (10.279 lao động) (Minh Nghĩa & Xuân Trường, 2019). Trong số lao động ở đồng bằng sông Cửu Long đi xuất khẩu lao động có nhiều người là nữ, họ đến các nước như Nhật Bản, Đài Loan, quá trình làm việc dài ngày ở đó, họ có cơ hội gặp gỡ, làm quen với nam công dân của các quốc gia này và là cơ hội cho việc kết hôn.

Với đặc trưng của vùng đồng bằng châu thổ trù phú, những miệt vườn cây trái mát mẻ, xum xuê, những cồn bãi trên sông nước mênh mông, những món ăn dân dã đặc trưng... đồng bằng sông Cửu Long cũng là vùng thu hút khách du lịch quốc tế đến tham quan. Năm 2018, đồng bằng sông Cửu Long đã đón hơn 40 triệu lượt du khách, trong đó, có hơn 3 triệu lượt khách quốc tế (Ngọc Mai, 2020). Những khách du lịch quốc tế đến vùng này thường thích loại hình du lịch trải nghiệm, du lịch cộng đồng, homestay, đó là cơ hội cho những phụ nữ ở trong vùng được gặp gỡ, quen biết những du khách quốc tế, cũng là điều kiện để phát triển quan hệ hôn nhân.

2.2. Yếu tố văn hóa

Mặc dù không ảnh hưởng của Khổng giáo mạnh mẽ như ở miền Bắc Việt Nam, nhưng trong không gian văn hóa Việt Nam chung, con người khu vực đồng bằng sông Cửu Long cũng đề cao chữ “hiếu”. Chữ hiếu trước hết là ở việc chăm sóc, phụng dưỡng cha mẹ

khi về già, giúp đỡ cha mẹ khi gặp khó khăn. Những gia đình ở nông thôn đồng bằng sông Cửu Long còn khó khăn so với mặt bằng chung, vì vậy những người con gái trong gia đình cũng muốn giúp đỡ, đỡ đần về vật chất cho cha mẹ. Nhưng bản thân họ trình độ thấp, công việc bấp bênh, bởi vậy để có khả năng giúp đỡ cha mẹ nghèo, đặc biệt khi có một sự cố nào đó trong gia đình cần phải có tiền ngay, điều này đã khiến những cô gái đó tới việc tìm kiếm cơ hội kết hôn với người nước ngoài, với mong muốn sang nước ngoài có thể gửi tiền về cho gia đình.

Hơn nữa, con người Nam Bộ với đặc trưng phóng khoáng, cởi mở, ít ảnh hưởng của Nho giáo. Làng Nam Bộ không có tính chất khép kín, bao bọc bởi lũy tre làng như ở miền Bắc mà có tính mở, dọc theo các dòng sông, con lộ. Người dân trong vùng dễ kết giao với nhau, dễ dàng chấp nhận cái mới, có kiểu sống “Ra đi gặp vịt cũng lùa, gặp duyên cũng kết, gặp chùa cũng tu”. Những người dân đồng bằng sông Cửu Long là những người từ bốn phương tụ hội, do đó quan niệm về hôn nhân của họ cũng khá cởi mở, sẵn sàng kết hôn với những người không cùng quê hương, không cùng tộc người, không cùng quốc gia chứ không có quan niệm về hôn nhân khép kín như người dân miền Bắc. Hơn nữa, bản thân họ cũng là những người bỏ quê hương đi tìm những vùng đất mới, nên việc phải ra nước ngoài để tìm kiếm những cơ hội mới cho cuộc sống cũng dễ dàng được chấp nhận hơn. Những đặc điểm văn hóa này khiến những phụ nữ ở đồng bằng sông Cửu Long dễ dàng chấp nhận việc kết hôn với người nước ngoài hơn phụ nữ miền Bắc. Đồng thời, người dân trong vùng cũng dễ có tâm lý cảm thông, thậm chí đồng tình hôn nhân dị tộc.

Vùng đồng bằng sông Cửu Long là nơi có nhiều người Hoa sinh sống, họ đã có mặt ở đây từ rất lâu. Theo điều tra dân số năm 2019, người Hoa ở Việt Nam có 749.466 người (Ủy ban dân tộc, 2020), người Hoa sống ở đồng bằng sông Cửu Long khoảng 199.778 người (Trần Hồng Liên, 2012). Vì vậy, quan hệ hôn nhân giữa người Hoa với các dân tộc khác trong vùng (Kinh, Khơ-me, Chăm) đã diễn ra trong lịch sử. Hơn nữa, vì cùng cộng cư sống với nhau lâu đời nên những cô gái sống ở vùng đồng bằng sông Cửu Long đã khá hiểu và thông thạo văn hóa của người Hoa. Đây là tác nhân để các cô gái nông thôn Nam Bộ dễ chấp nhận kết hôn với người Đài Loan, bởi lẽ văn hóa của người Đài Loan cũng giống người Hoa. Hơn nữa, những phụ nữ người Hoa ở trong vùng cũng dễ chấp nhận hôn nhân với những người Đài Loan do tương đồng về văn hóa. Đó là lý do tại sao phụ nữ đồng bằng sông Cửu Long kết hôn với người Đài Loan rất nhiều và hôn nhân Đài - Việt như tác nhân đưa đến hôn nhân Việt - Hàn và được coi là ít rủi ro hơn.

Là những cư dân sản xuất nông nghiệp, người dân vùng đồng bằng sông Cửu Long cũng mang những nét chung của tâm lý cộng đồng làng xã, trong xóm có một số nhà kinh tế khá lên vì có con gái lấy chồng nước ngoài thì họ cũng muốn gả con gái mình cho người nước ngoài, và điều này dễ trở thành phong trào, hình thành những làng, những xóm có nhiều phụ nữ lấy chồng nước ngoài, ví dụ như xã Tân Lộc, quận Thốt Nốt, Tp. Cần Thơ được mệnh danh là đảo Đài Loan vì có số lượng phụ nữ kết hôn với người Đài Loan rất lớn. Khi đã bị ảnh hưởng của tâm lý đám đông, làm theo số đông thì người dân ở đây sẽ bỏ ngoài tai những lời khuyên về những rủi ro, bất trắc. Vì vậy, nhiều cán bộ chính quyền địa phương cho biết: khi trong ấp, khóm có một số gia đình có con lấy chồng nước ngoài thành công thì sẽ rất khó tuyên truyền cho họ hiểu những nguy cơ của việc lấy chồng nước ngoài.

Sự tác động của người đi trước luôn có sức nặng như một tiêu chí, một kênh thông tin quan trọng để tham khảo, bởi tâm lý của người Việt Nam nói chung “một tấm gương sống còn hơn một trăm bài diễn văn tuyên truyền”. Không chỉ các cô gái và gia đình các cô gái ở đồng bằng sông Cửu Long có tâm lý đám đông, thấy bạn bè mình thành công, lấy chồng nước ngoài rồi gửi tiền về cho gia đình, có cuộc sống hạnh phúc thì cũng muốn đua đòi cho bằng bạn, bằng bè, cũng muốn lấy chồng nước ngoài, mà chính các cô gái lấy chồng nước ngoài đôi khi do tâm lý sĩ diện, nếu cuộc sống ở nước ngoài không đến nỗi đổ vỡ, quá bất hạnh cũng có thể tô vẽ thêm để lấy làm hãnh diện cho bản thân và gia đình mình. Hơn nữa, những cô gái này ở nước ngoài có tâm lý cộng đồng, vừa muốn giúp đỡ người khác, vừa muốn có thêm bạn bè, người quen ở nước ngoài nên thường giới thiệu chị em, em gái, bạn gái của mình ở đồng bằng sông Cửu Long cho họ hàng, xóm giềng, bạn bè nhà chồng. Hiện nay, số lượng phụ nữ ở đồng bằng sông Cửu Long kết hôn với người nước ngoài và sống ở nước ngoài rất nhiều, đó là những “bà mối” để có thêm những cuộc hôn nhân có yếu tố nước ngoài. Ở đây chưa kể nếu giới thiệu thành công, đôi khi họ cũng được những món quà gọi là “cảm ơn” từ những người mà họ giới thiệu.

Đất nước ta còn nghèo, bởi vậy khi mở cửa, giao lưu hội nhập quốc tế, sự giàu có về vật chất của các quốc gia khác dễ tạo cho người ta tâm lý sính ngoại, sùng ngoại. Hàng hóa nước ngoài, du học nước ngoài, làm việc cho nước ngoài, sống ở nước ngoài, lấy chồng ở nước ngoài trở thành cái mốt, mơ ước của nhiều người. Hơn nữa, do mặt trái của kinh tế thị trường, đồng tiền lên ngôi, nhiều người cũng có tâm lý thực dụng, chạy theo giá trị vật chất, vì vậy biến hôn nhân của mình trở thành một cuộc trao đổi, mà mục tiêu là hướng tới những lợi ích vật chất chứ không phải là tình yêu và hạnh phúc thực sự. Ảnh hưởng của tâm lý truyền thống, phụ nữ có tâm lý nương nhờ, phụ thuộc vào người đàn ông, giá trị của người phụ nữ chính là người đàn ông mà họ kết hôn. Đối với các cô gái, họ vẫn còn quan niệm “lấy chồng cho đáng tấm chồng. Bõ công trang điểm má hồng răng đen”, cho nên họ lấy mức độ giàu có của nhà trai, quy mô của đám cưới được xem là thước đo giá trị của cô dâu.

Do điều kiện tự nhiên thuận lợi, đất rộng, màu mỡ, bỏ hạt xuống không cần chăm sóc nhiều cũng được thu hoạch, đã tạo nên nét tâm lý phóng khoáng, làm đâu tiêu hết đến đó, ít có tư tưởng tiết kiệm, dè xẻn của một bộ phận người dân Nam Bộ. Hiện nay, một số đàn ông, nhất là ở vùng nông thôn, không bị gấn với những công việc đòi hỏi tính kỷ luật cao mà tự sản xuất nông nghiệp hoặc làm việc ở nhà, đôi khi hay rượu chè say xỉn, không chăm chỉ làm ăn nên nghèo đói đeo bám. Các cô gái mới lớn ở đồng bằng sông Cửu Long khi nhìn thấy cảnh người quen, người chị, người bạn của mình lấy người chồng như vậy họ rất thất vọng, nên họ muốn lấy chồng nước ngoài tìm kiếm vận may và cơ hội đổi đời. Hơn nữa, những bộ phim nước ngoài mà họ được xem nhất là phim tâm lý tình cảm của Hàn Quốc, đàn ông ở quốc gia qua các bộ phim đó hiện lên là giàu có, lịch lãm, lãng mạn, quan tâm đến phụ nữ và rất chung tình, ga lăng. Những hình ảnh đó đã tác động khiến cho các cô gái càng có thêm quyết tâm lấy chồng nước ngoài.

2.3. Yếu tố xã hội

Người dân ở đồng bằng sông Cửu Long nói chung, phụ nữ vùng đồng bằng sông Cửu Long nói riêng có trình độ học vấn còn hạn chế hơn so với mặt bằng chung của cả nước.

Năm 2018, cơ cấu dân số của cả nước từ 15 tuổi trở lên chưa bao giờ đến trường chiếm 5,2%, trong khi tỷ lệ này ở đồng bằng sông Cửu Long là 6,3%; tỷ lệ không có bằng cấp của cả nước là 11,7%, ở đồng bằng sông Cửu Long là 23,4%; tỷ lệ tốt nghiệp tiểu học của cả nước là 20,2%, ở đồng bằng sông Cửu Long là 31,2%. Ở những trình độ cao hơn, như tốt nghiệp trung học cơ sở của cả nước là 28,3% thì ở đồng bằng sông Cửu Long là 19,7%; tốt nghiệp trung học phổ thông của cả nước là 16,3%, con số này ở đồng bằng sông Cửu Long là 9,7%; trình độ cao đẳng, đại học và trên đại học của cả nước là 11,37% thì ở đồng bằng sông Cửu Long là 5,92% (Tổng cục Thống kê, 2019, tr.121-123). Còn theo thống kê năm 2019, tỷ lệ lao động từ 15 tuổi trở lên đã qua đào tạo của cả nước là 22,8% thì đồng bằng sông Cửu Long là 13,3% (Tổng cục Thống kê, 2020, tr.168-169). Do đó, với trình độ nhận thức hạn chế, ít giao tiếp với xã hội, những cô gái mới lớn và ngay cả cha mẹ của họ cũng ít thông tin, ít hiểu biết về các nước xung quanh. Họ thường ngộ nhận cuộc sống ở nước ngoài hơn hẳn cuộc sống ở Việt Nam, phụ nữ ở đó được chiều chuộng, không phải làm lụng vất vả mà chỉ ở nhà nuôi con và nội trợ. Họ không có đủ những kiến thức xã hội để lường được những rủi ro, bất trắc của cuộc sống ở nước ngoài. Từ sự ngộ nhận mơ hồ của những cô gái ngây thơ, vô tư và của cả gia đình họ đã dẫn đến việc phó mặc bản thân cho số phận, trông chờ vào sự may rủi. Có những người biết rằng lấy chồng nước ngoài như chơi canh bạc đỏ đen, có thắng có thua, nhưng vì không có nhiều lựa chọn nên họ vẫn đánh cược cuộc đời mình.

Là vùng không chịu ảnh hưởng văn hóa Nho giáo nặng nề (với tư tưởng trọng nam khinh nữ) như ở miền Bắc, nên sự mất cân bằng giới tính (tỷ lệ nam nhiều, nữ ít) ở vùng này không trầm trọng như ở miền Bắc và các vùng miền khác trên cả nước. Tỷ lệ bé trai và bé gái mới chào đời của đồng bằng sông Cửu Long là 106,9 nam/100 nữ năm 2019, thấp nhất cả nước, trong khi trung bình cả nước là 111,5 nam/100 nữ (Tổng cục Thống kê, 2020, tr.28). Với số lượng phụ nữ không quá ít so với nam giới nên bản thân người dân và xã hội, chính quyền cũng dễ chấp nhận phụ nữ kết hôn với người nước ngoài hơn.

3. Một số định hướng giải pháp

Thứ nhất, do đặc điểm kinh tế của vùng, nơi đây nhiều người dân đời sống vật chất còn nhiều khó khăn, thu nhập thấp, tỷ lệ thất nghiệp, thiếu việc làm còn cao nên họ không có nhiều sự lựa chọn và họ coi việc lấy chồng người nước ngoài như là một lối thoát, giải pháp để thoát nghèo, đổi đời. Vì vậy, để hạn chế tình trạng phụ nữ trong vùng lấy chồng vì mục đích kinh tế thì phải nâng cao đời sống vật chất, giải quyết việc làm cho lao động, đặc biệt là những lao động trẻ, lao động nữ ở trong vùng. Cần phân luồng học sinh cấp 2, cấp 3 trong vùng, những em học sinh tốt nghiệp cấp 2, cấp 3 mà không có khả năng đỗ đại học thì cần hỗ trợ các em học nghề tại các cơ sở đào tạo ở địa phương, đặc biệt cần chú ý tới đối tượng học sinh nữ. Đồng thời, chính quyền địa phương cần khuyến khích và có cơ chế tạo sự kết nối giữa các cơ sở đào tạo nghề ở địa phương với những cơ sở sản xuất kinh doanh, nhằm hỗ trợ các em sau khi hoàn thành chương trình đào tạo nghề có thể được tuyển dụng vào các cơ sở sản xuất kinh doanh này, để có việc làm, ổn định cuộc sống.

Đối với những phụ nữ ở nông thôn, những người đang trong độ tuổi kết hôn, đã hết học, đang làm nông nghiệp, hoặc làm thuê, có cuộc sống còn bấp bênh thì các tỉnh cũng cần chú ý mở các lớp dạy nghề cho phụ nữ ở nông thôn. Việc dạy nghề gì cho phụ nữ ở nông thôn cần phải được nghiên cứu rất kỹ, để đảm bảo ngành nghề đó địa phương đang có nhu cầu, thị trường đang có nhu cầu, có thể xin được việc làm ở một cơ sở khác hoặc tự tạo việc làm cho mình từ việc phát triển các ngành nghề đó. Để có thể tự tạo việc làm, phụ nữ cần tạo ra những mô hình sản xuất kinh doanh hiệu quả và để triển khai được điều này cần có vốn, có những điều kiện nhất định. Vì vậy, chính quyền địa phương cần quan tâm hơn đến việc tạo ra những cơ chế thuận lợi cho phụ nữ ở địa phương (đặc biệt là còn trẻ, chưa kết hôn, ở vùng nông thôn) vay vốn phát triển sản xuất, có những hình thức hỗ trợ phụ nữ khởi nghiệp. Ở đây, vai trò của hội phụ nữ ở các địa phương cần được phát huy. Hội phụ nữ cần lựa chọn những mô hình sản xuất kinh doanh có hiệu quả để giới thiệu cho các hội viên là các phụ nữ để học tập mô hình, kinh nghiệm tự phát triển sản xuất kinh doanh, nâng cao đời sống và thu nhập. Ngoài ra, những sản phẩm mà các mô hình sản xuất, kinh doanh của phụ nữ tạo ra thì chính quyền và hội phụ nữ cần tăng cường liên kết, kết nối với các nhà máy, các kênh phân phối sản phẩm để hỗ trợ việc tiêu thụ sản phẩm, tìm kiếm thị trường, từ đó nâng cao đời sống, thu nhập cho phụ nữ. Khi phụ nữ có thể làm thuê những công việc ổn định, có thu nhập, hoặc tự điều hành những mô hình sản xuất kinh doanh hiệu quả, tự tạo việc làm và thu nhập cho bản thân, từ đó có đời sống vật chất đầy đủ, họ sẽ không nghĩ đến chuyện kết hôn với người nước ngoài vì mục đích kinh tế, giảm thiểu những tác động tiêu cực của hiện tượng này.

Thứ hai, có những nguyên nhân về mặt văn hóa khiến phụ nữ đồng bằng sông Cửu Long kết hôn với người nước ngoài vì lí do kinh tế, không xuất phát từ tình yêu như: tư tưởng thực dụng, vì tiền mà bất chấp tất cả, tư tưởng dựa dẫm, không phấn đấu bằng chính sức lao động của mình... Vì vậy, các cấp chính quyền địa phương, Hội Liên hiệp phụ nữ của các tỉnh, huyện, xã, các đài truyền thanh xã, huyện, các chương trình phát thanh truyền hình tỉnh phải tuyên truyền rộng rãi trong nhân dân - đặc biệt là phụ nữ trong độ tuổi kết hôn ở nông thôn vùng đồng bằng sông Cửu Long, nhằm giúp họ thấy được về những giá trị văn hóa tốt đẹp của con người Việt Nam, phụ nữ Việt Nam, của gia đình truyền thống Việt Nam, ngăn chặn lối sống thực dụng, đua đòi. Khi những phụ nữ trong vùng không có tư tưởng thực dụng trong hôn nhân, đề cao những giá trị tình cảm trong gia đình, thì sẽ hạn chế họ lấy việc kết hôn với người nước ngoài làm phương tiện để đạt những mục tiêu kinh tế cho gia đình, bản thân. Hơn nữa, khi nhận thức rõ về những giá trị, nhân phẩm của mình, họ sẽ không bán rẻ nó vì những lí do kinh tế (có những phụ nữ chấp nhận để người khác coi mình như một món hàng chỉ vì muốn được ra nước ngoài nuôi giấc mộng làm giàu). Ngoài ra, còn phải tuyên truyền cho phụ nữ về tư tưởng tự lực cánh sinh, sự độc lập của người phụ nữ hiện đại. Có những người hiện nay vẫn quan niệm rằng, kết hôn như canh bạc của cuộc đời, chứa đựng nhiều may rủi, nên có tình yêu hay không có tình yêu không quan trọng, quan trọng là có may mắn lấy được ông chồng giàu có, tử tế hay không. Một số người, đặc biệt là phụ nữ vẫn có tư tưởng dựa dẫm vào chồng, cho nên chỉ muốn lựa chọn tấm chồng giàu có, sung túc để trao thân, gửi phận, muốn dựa dẫm vào chồng để có cuộc sống giàu sang. Những nhận thức đó dẫn tới họ lựa chọn kết hôn với người nước ngoài

như một sự may rủi và nghĩ rằng nếu may mắn vẫn có thể có gia đình hạnh phúc dù không có tình yêu. Do đó, cần tuyên truyền cho phụ nữ hiểu rằng, không có chuyện may rủi trong quyết định hôn nhân của đời người, hạnh phúc chỉ đến khi có tình yêu, ngược lại hôn nhân được cân đong đo đếm bằng vật chất sẽ khó có hạnh phúc. Đồng thời, cần tuyên truyền cho phụ nữ tư tưởng tự lực cánh sinh muốn giàu có thì phải học nghề, có trình độ, tìm kiếm công việc có thu nhập cao và ổn định. Giàu có bằng cách dựa dẫm vào người khác cũng khó có tự do và bị coi thường. Khi phụ nữ nhận thức được điều này, họ sẽ không lựa chọn việc kết hôn với người nước ngoài để có cuộc sống ổn định, kinh tế khá giả.

Thứ ba, trình độ dân trí đặc biệt là ở những cô gái mới lớn cũng là nguyên nhân dẫn đến việc phụ nữ kết hôn với người nước ngoài. Trình độ dân trí thấp dẫn tới ngộ nhận về cuộc sống ở nước ngoài, dẫn tới không tìm được công việc có thu nhập ổn định. Vì vậy, Nhà nước và các Bộ, ngành liên quan cần hỗ trợ để cho học sinh (đặc biệt là học sinh nữ) được học tập, đào tạo nghề nâng cao trình độ để đủ khả năng tìm kiếm những công việc có thu nhập ổn định. Đồng thời, cần đẩy mạnh tuyên truyền cho các học sinh nữ, những cô gái đến tuổi lấy chồng và gia đình họ ở đồng bằng sông Cửu Long, đặc biệt là ở vùng sâu, vùng xa về những khó khăn, thách thức của việc lấy chồng nước ngoài để tránh ảo tưởng.

Quan điểm của Đảng là phải tác động vào những nguyên nhân dẫn đến những hiện tượng tiêu cực của hôn nhân có yếu tố nước ngoài, như việc kết hôn vì lý do kinh tế mà không xuất phát từ tình yêu, từ đó làm lạnh mạnh hóa hôn nhân có yếu tố nước ngoài. Tại Thông báo số 26-TB/TW ngày 09 tháng 05 năm 2011 kết luận của Ban Bí thư về việc sơ kết chỉ thị số 49-CT/TW ngày 21 tháng 02 năm 2005 của Ban Bí thư khóa IX về xây dựng gia đình thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa, Đảng ta khẳng định: “Chủ động kiểm soát và giải quyết các nguyên nhân sâu xa dẫn đến bạo lực gia đình, ly hôn, ly thân, quan hệ tình dục và hôn nhân đồng giới, buôn bán phụ nữ và trẻ em, hôn nhân có yếu tố nước ngoài...”. Đồng thời, Đảng chỉ đạo: Ủy ban nhân dân các cấp tăng cường chỉ đạo, xử lý nghiêm các hành vi vi phạm pháp luật về gia đình; đẩy mạnh các hoạt động can thiệp nhằm giảm thiểu tiêu cực của tình trạng hôn nhân có yếu tố nước ngoài (Bộ Văn hóa - Thể thao và Du lịch, Vụ Gia đình, 2013).

4. Kết luận

Như vậy, mặc dù là hiện tượng xã hội chung của đất nước, nhưng số lượng phụ nữ ở đồng bằng sông Cửu Long kết hôn với người nước ngoài nhiều hơn so với các vùng khác là có thể lý giải được, xuất phát từ những đặc điểm rất đặc thù của vùng. Trong những năm qua, việc phụ nữ Việt Nam ở đồng bằng sông Cửu Long kết hôn với người nước ngoài bên cạnh những tác động tích cực cũng đã để lại những hệ lụy kinh tế, xã hội mà chính quyền địa phương trong vùng phải giải quyết như: mất cân đối lao động, tỷ lệ thất bại và ly hôn cao, những vấn đề về con lai... Do đó, bên cạnh việc tích cực khắc phục những tác động tiêu cực này, các địa phương cần nắm rõ nguyên nhân tác động, đặc biệt là những nguyên nhân dẫn đến việc phụ nữ ở đây kết hôn với người nước ngoài vì lý do kinh tế. Những nhân tố tác động đến việc nhiều phụ nữ ở đây lựa chọn kết hôn với người nước ngoài là tổng hợp

kinh tế, văn hóa, xã hội. Bởi vậy, các định hướng, giải pháp đưa ra cũng phải toàn diện, đồng bộ từ kinh tế đến giáo dục, tuyên truyền. Nếu kiên trì thực hiện các giải pháp này, chắc chắn vùng đồng bằng sông Cửu Long sẽ “lành mạnh hóa”, giảm bớt những biểu hiện tiêu cực trong các cuộc hôn nhân này, từ đó phát huy tác động tích cực, đảm bảo sự phát triển bền vững vùng đồng bằng sông Cửu Long.

Tài liệu tham khảo

1. Ban Chỉ đạo Tổng điều tra dân số và nhà ở Trung ương (2019), *Tổng điều tra dân số và nhà ở năm 2019*, Nxb Thống kê, Hà Nội.
2. Bộ Văn hóa - Thể thao và Du lịch, Vụ Gia đình (2013), *Văn bản quản lý nhà nước về gia đình và công tác gia đình ở Việt Nam hiện nay*, Nxb Lao động, Hà Nội.
3. Tổng cục Thống kê (2019), *Kết quả khảo sát mức sống dân cư năm 2018*, Nxb Thống kê, Hà Nội.
4. Tổng cục Thống kê (2020), *Niên giám thống kê năm 2019*, Nxb Thống kê, Hà Nội.
5. Ủy ban dân tộc (2020), *Tổng cục Thống kê, Kết quả điều tra thu thập thông tin về thực trạng kinh tế - xã hội của 53 dân tộc thiểu số năm 2019*, Nxb Thống kê, Hà Nội.
6. Phương Anh (2020), *Mỗi năm Việt Nam có khoảng 18.000 công dân kết hôn với người nước ngoài*, <https://baodansinh.vn/moi-nam-viet-nam-co-khoang-18000-cong-dan-ket-hon-voi-nguoi-nuoc-ngoai-20200306151117877.htm>, truy cập ngày 06/03/2020.
7. Xuân Bách (2015), *FDI vào đồng bằng sông Cửu Long chỉ chiếm 5% cả nước*, <https://nhandan.vn/tin-tuc-kinh-te/fdi-vao-dong-bang-song-cuu-long-chi-chiem-5-ca-nuoc-229008/>, truy cập ngày 03/04/2015.
8. Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội (2021), *Thực hiện các giải pháp nâng cao năng lực nguồn nhân lực vùng đồng bằng sông Cửu Long*, <http://molisa.gov.vn/Pages/tintuc/chitiet.aspx?tintucID=22100>, truy cập ngày 8/12/2014.
9. Trần Hồng Liên (2012), *Hội nhập và giao lưu văn hóa của người Hoa ở Việt Nam (trên lĩnh vực tôn giáo)*, <http://www.sugia.vn/portfolio/detail/815/hoi-nhap-va-giao-luu-van-hoa-cua-nguoi-hoa-o-viet-nam-tren-linh-vuc-tin-nguong-ton-giao.html>, truy cập ngày 26/7/2012.
10. Ngọc Mai (2020), *Làm gì để phát triển du lịch đồng bằng sông Cửu Long*, <https://baophapluat.vn/tieu-dung-va-du-luan/lam-gi-de-phat-trien-du-lich-dong-bang-song-cuu-long-518742.html>, truy cập ngày 23/05/2020.
11. Minh Nghĩa & Xuân Trường (2019), *Nhiều giải pháp thúc đẩy đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài tại các tỉnh đồng bằng sông Cửu Long*, baodansinh.vn/nhieu-giai-phap-thuc-day-dua-nguoi-lao-dong-di-lam-viec-o-nuoc-ngoai-tai-cac-tinh-dbscl-20191201122117256.htm, truy cập ngày 01/12/2019.
12. Ngọc Thiện (2018), *Nguồn vốn FDI “đổ” vào đồng bằng sông Cửu Long ngày càng tăng*, <http://www.baohaugiang.com.vn/kinh-te/nguon-von-fdi-do-vao-dong-bang-song-cuu-long-ngay-cang-tang-73432.html>, truy cập ngày 10/10/2018.
13. K.V (2019), *Trên 1,56 tỷ USD vốn đầu tư nước ngoài vào đồng bằng sông Cửu Long*, <http://dangcongsan.vn/kinh-te/tren-156-ty-usd-von-dau-tu-nuoc-ngoai-vao-dong-bang-song-cuu-long-537743.html>, truy cập ngày 01/10/2019.